

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **196/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Trung Hiếu;

2. Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30/6/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19/9/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Bình T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn X, xã TT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Xuân C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn X, xã TT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Bình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Xuân C sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Yên Sơn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, sau đó vợ chồng quay về địa phương làm ăn sinh sống, tuy nhiên cuộc sống vẫn không hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau đến nay đã 05 năm, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015, hiện nay cháu vẫn đang ở nhà anh C cùng với ông bà nội. Khi ly hôn chị tự nguyện để anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu N. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đặng Phương N, cháu N đề nghị được ở với bố khi bố mẹ ly hôn vì cháu đã ở với bố từ nhỏ, mẹ thường xuyên đi làm ăn xa.

Về tài sản chung, đất đai chung, công nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh C không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị Th (là mẹ đẻ của anh C, hiện nay đang ở cùng nhà với anh C), bà Th đã tổng đạt trực tiếp cho anh C, tuy nhiên anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Tòa án tiến hành xác minh tại Cnh quyền địa phương thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bình T có đăng ký kết hôn với anh Đặng Xuân C tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/02/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T thường xuyên đi làm ăn ở các nơi, sau đó mâu thuẫn về tình cảm hiện đã sống ly thân nhau.

Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015, hiện nay các cháu N đang ở cùng anh C.

Về tài sản chung, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Bình T: Xử cho chị T được ly hôn với anh Đặng Xuân C. Giao con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Xuân C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Bình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Bình T phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Bình T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã TT, huyện Yên Sơn. Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh Đặng Xuân C có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã TT, huyện Yên Sơn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đặng Xuân C không đến Tòa để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã đến gia đình anh C tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ của anh C là bà Đặng Thị Thức. Bà Thức xác nhận đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, tuy nhiên do anh C bận công việc không đến Tòa án để giải quyết vụ án được, anh nhờ bà Thức thay mặt anh trình bày ý kiến của anh với Tòa án nội dung sau: Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh xác định hiện nay vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng sống ly thân nhau đã lâu, nên anh nhất trí ly hôn chị T, anh đề nghị Tòa án giao con chung cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015 cho anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Về tài sản, đất đai, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị T và anh C sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/02/2015. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại thôn X, xã TT, sau đó đi làm ăn ở nhiều nơi, trong đó cơ cả tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần do vợ chồng bất đồng trong cách sống, làm ăn kinh tế. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đã 05 năm nay. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bình T, xử cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân C là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T có 01 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015. Khi ly hôn chị T tự nguyện để anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị cấp dưỡng 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cháu N cũng có nguyện vọng ở cùng anh C khi bố mẹ ly hôn, anh C có nhờ bà Th là mẹ đẻ của anh trình bày nguyện vọng của anh là anh xin nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Nam là 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Xét thấy nguyện vọng của chị T là phù hợp, vì hiện nay cháu N đang ở cùng anh C, nguyện vọng của cháu N muốn được ở với bố, anh C cũng yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng, chị T cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.000.000 đồng/ tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu Đặng Phương N sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Xuân C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, chị Nguyễn Bình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Xác định anh chị không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bình T:

Xử cho chị Nguyễn Bình T được ly hôn với anh Đặng Xuân C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Xuân C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Bình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Đặng Phương N đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bình T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004115, ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Bình T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Chị Nguyễn Bình T và anh Đặng Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trung Hiếu – Trần Văn Ngọc

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Xuân Thủy

